



**Rule 1:** Cách thành lập câu hỏi đuôi

to be/ trợ V +(not) + .....

**Rule 2:** Trong câu có trạng từ phủ định hoặc bán phủ định như: never, seldom, rarely, hardly, scarcely hoặc có các từ nothing, nobody, little

→Thì câu đó được xem như câu ....., phần

câu hỏi đuôi ở dạng .....

Ex: You've never been to England, .....?

**Rule 3:** Câu hỏi đuôi của I am là .....

Ex: I'm late, .....?

**Rule 4:** Câu hỏi đuôi sau mệnh lệnh khẳng định là "....." hoặc "....." để mời ai làm gì 1 cách lịch sự.

Ex: Give me a hand .....?

**Rule 5:** Câu hỏi đuôi sau mệnh lệnh phủ định là "....."

Ex: Don't tell anybody, .....?

**Rule 6:** Câu hỏi đuôi của Let's(trong câu đề nghị) là "....."

Ex: Let's study English,.....?

**Rule 7:** Chủ từ là nothing, everything, something, anything → câu hỏi đuôi dùng đại từ nhân xưng là "....."

Ex: Nothing can happen, .....?

**Rule 8:** Chủ từ là nobody, everybody, somebody, anybody → câu hỏi đuôi dùng đại từ nhân xưng là "....."

Ex: Ex: Somebody wanted a drink, .....?

**Rule 9:** Chủ từ là this, that → câu hỏi đuôi dùng đại từ nhân xưng là "....."

Ex: This is your pen, .....?

**Rule 10:** Chủ từ là these, those → câu hỏi đuôi dùng đại từ nhân xưng là "....."

Ex: These aren't your pens, .....?

**Rule 11:** Câu có " I + think/believe / seem/ feel..... that → Lấy mệnh đề phụ làm câu hỏi đuôi.

Ex: I think **he will** come here, .....?

Nếu chủ từ không phải "I" → Dùng mệnh đề chính làm câu hỏi đuôi.

Ex: **She thinks** he will come here, .....?